TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
BAN QLDA NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG II - TKV

Số: 960 /NDII-HCTH
V/v Chào giá cung cấp dịch vụ tư vấn Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường - Dự án Bãi chứa tro xỉ và công trình xử lý môi trường – NMNĐ Na Dương và NMNĐ Na Dương II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Nhà thầu/nhà cung cấp dịch vụ có quan tâm

Hiện nay, Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV (Ban QLDA) đang tổ chức lựa chọn nhà thầu/nhà cung cấp dịch vụ tư vấn Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường - Dự án Bãi chứa tro xỉ và công trình xử lý môi trường – NMNĐ Na Dương và NMNĐ Na Dương II. Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo quy định hiện hành, Ban QLDA đề nghị các Nhà thầu có quan tâm, chào giá cung cấp dịch vụ nêu trên với nội dung cụ thể sau:

- Nội dung/phạm vi công việc: Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm văn bản này.
- Tiết độ thực hiện: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm văn bản này.
- Hiệu lực Báo giá: 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Bản chào giá/báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.
- Cung cấp kèm theo Bản cháo giá/báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương) còn hiệu lực tại thời điểm chào giá và các tài liệc có liên quan khác chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị tư vấn.
- Yêu cầu về năng lực/kinh nghiệm của đơn vị tư vấn:

* Tư cách pháp lý: Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực tư vấn môi trường và có chức năng hoạt động trong lĩnh vực quan trắc môi trường.

* Năng lực nhân sự:

+ Người đứng đầu hoặc người phụ trách kỹ thuật phải có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp (Môi trường, Hóa học, Sinh học, Vật lý...), từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm/Trưởng nhóm lập tối thiểu 01 hồ sơ ĐTM hoặc Giấy phép môi trường cho công trình/dự án có tính chất tương tự đã được cấp phép thành công.

+ Cán bộ thực hiện đo đạc, lấy mẫu tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm phải có văn bằng chuyên môn phù hợp và được đào tạo, cấp chứng chỉ về kỹ thuật quan trắc/phân tích tương ứng.

* Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

+ Có phòng thí nghiệm đạt chuẩn (thường đáp ứng tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tương đương), có đầy đủ diện tích, điều kiện môi trường kiểm soát để thực hiện phân tích mẫu.

+ Thiết bị quan trắc hiện trường và thiết bị phân tích phòng thí nghiệm phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

* Kính nghiệm: đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn lập Báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường (GPMT) cho các dự án công nghiệp tương tự (nhiệt điện, bãi chứa tro xỉ, bãi thải mỏ hoặc các dự án công nghiệp nhóm I/nhóm II theo Luật BVMT 2020) và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/cấp phép.

- Thời gian gửi báo/chào giá: Báo giá xin gửi tới Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV (Địa chỉ thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) chậm nhất ngày 05/11/2026.

- Thông tin chi tiết xin liên hệ với Bà Hoàng Thị Thơ - Phòng Hành chính Tổng hợp - SĐT: 0978 789 604.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- PGĐ H.Q.Thứ (e-copy);
- KTTr N.T.Trung (e-copy);
- Phòng: KTTC (e-copy);
- Đăng tải web ĐLTKV (e-copy);
- Đăng tải web TKV (e-copy);
- Lưu: VT, HCTH, HT(02b).

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:0104297034-009-C.T.C.P
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG II
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV-CTCP
H.LỘC BÌNH - T.LẠNG SƠN

Phạm Xuân Phong

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC
LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo văn bản số 960 /NDII-HCTH ngày 29 / 10 /2026)

1. Trình tự thực hiện

a) Khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện dự án

- Thu thập thông tin về hiện trạng sử dụng đất, các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Khảo sát lấy mẫu, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm.

b) Lập hồ sơ

Lập hồ sơ theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Luật số 146/2025/QH15; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ và áp dụng biểu mẫu báo cáo đề xuất theo quy định tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nội dung bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung sau:

- Tổng hợp thành một báo cáo hoàn chỉnh và gửi Bên giao thầu duyệt và ký trước khi trình thẩm định.

- Bảo vệ báo cáo trước hội đồng thẩm định.

- Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo theo ý kiến của thành viên hội đồng thẩm định.

c) Trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy phép môi trường.

d) Thời gian thực hiện: 60 ngày (không bao gồm thời gian chờ tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, trình phê duyệt, đến các trường hợp bất khả kháng...)

2. Nội dung công việc

a. Công tác thu thập tài liệu, số liệu

- Khảo sát thu thập số liệu và lấy mẫu, quan trắc môi trường

+ Khảo sát và thu thập tài liệu, số liệu cơ sở.

+ Khảo sát lấy mẫu, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm.

+ Chi phí đi lại khảo sát.

b. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Nội dung hồ sơ cấp giấy phép môi trường tuân thủ theo quy định tại Phụ lục VIII - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc các quy định khác có liên quan còn hiệu lực thi hành tại thời điểm lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường, với các nội dung cơ bản như sau:

Chương I. Thông tin chung về dự án đầu tư

1. Tên chủ dự án đầu tư (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở); tổ chức xác nhận, chủ thể phát hành trái phiếu xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)

2. Tên dự án đầu tư: (Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; Cơ quan thẩm định thiết kế

xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có); Quy mô của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công; Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư: (Công suất của dự án đầu tư; Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư; Sản phẩm của dự án đầu tư. (trong đó, nêu rõ thông tin cơ bản về sản phẩm (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :

Chương II. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Chương III. Đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án:

1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án:

a) Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;

b) Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;

c) Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án.

1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án:

a) Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có);

b) Danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:

2.1. Mô tả tóm tắt đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải;

b) Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.

2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận

hoặc kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận (chỉ rõ nguồn thu thập tài liệu, số liệu).

2.3. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải: hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận (nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí dự kiến xả nước thải).

2.4. Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải: các hoạt động xả nước thải khác vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

a) Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực (vị trí, khoảng cách đến vị trí dự kiến xả nước thải).

b) Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực (hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải).

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

3.1. Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

3.2. Đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Chương IV. Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án đầu tư và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai, thi công xây dựng dự án đầu tư: Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

a) Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất;

b) Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng;

c) Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

d) Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

đ) Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng;

e) Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

1.2. Đánh giá tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

a) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất

cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận (nếu có).

b) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung).

c) Đối với dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, dự án đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, khu dân cư tập trung phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, tiếp nhận và xử lý nước thải hiện hữu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung.

d) Đối với dự án đầu tư khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy theo quy định của pháp luật.

đ) Đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi phải có đánh giá tác động và biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi.

e) Kết quả tính toán của mô hình phát tán chất ô nhiễm, sự cố chất thải đối với dự án đầu tư xả trực tiếp ra môi trường từ 10.000 m^3/ngày (24 giờ) nước thải trở lên (trừ nước trao đổi nhiệt, nước nuôi trồng thủy sản) hoặc xả bụi, khí thải có lưu lượng từ 200.000 m^3/giờ trở lên.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

a) Về nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có), bao gồm: Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường (nếu có);

b) Về chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải;

c) Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

d) Về tiếng ồn, độ rung: Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tới môi trường từ hoạt động của dự án;

đ) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

a) Về công trình, biện pháp xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị

xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

b) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải theo bản vẽ thiết kế;

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

c) Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành, chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải theo dự thảo bản vẽ thiết kế;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).

d) Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;

- Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).

đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải (nếu

có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải khác (nếu có).

e) Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư;

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục;

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác;

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

Chương V. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án chôn lấp chất thải

1.1. Lựa chọn giải pháp cải tạo môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình xử lý chất thải, ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố chất thải.

- Việc cải tạo môi trường thực hiện theo quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo môi trường. Xây dựng bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, sự cố chất thải,...) để lựa chọn phương án cải tạo môi trường.

1.2. Nội dung cải tạo môi trường

Từ giải pháp cải tạo môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo môi trường;

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo môi trường;

- Lập bảng các công trình cải tạo môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường;

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường;

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế cơ sở.

1.3. Kế hoạch thực hiện

- Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo môi trường;

- Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình;

- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo môi trường;

- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo môi trường.

1.4. Dự toán chi phí cải tạo môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Chương VI. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải (nếu có):

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Chương VII. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường của dự án

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chương VIII. Nội dung thuyết minh dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường để được xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (nếu có)

1. Thuyết minh các nội dung mà dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định, bao gồm các nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

2. Tóm tắt nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, bao gồm các thông tin chính như sau: tên chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh; phạm vi, quy mô hoạt động của dự án đầu tư; tóm tắt công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thông tin cơ bản về sản phẩm của dự án đầu tư; nội dung đã đáp ứng các tiêu chí môi trường theo quy định; các yêu cầu để đáp ứng, duy trì các tiêu chí môi trường theo quy định; các yêu cầu khác (nếu có).

Chương IX. Cam kết của chủ dự án đầu tư

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

Phụ lục Báo cáo

PHỤ LỤC SỐ 02: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(Kèm theo văn bản số /NDII-HCTH ngày / /2026)

Stt	Công việc	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện dự án - Thu thập thông tin về hiện trạng sử dụng đất, các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh khu vực thực hiện dự án. - Khảo sát lấy mẫu, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm.	Không quá 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên giao thầu bàn giao hồ sơ, tài liệu cho đơn vị tư vấn; không bao gồm: thời gian chờ tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, trình phê duyệt/phê duyệt của Bên giao thầu hoặc Cơ quan có thẩm quyền; các trường hợp bất khả kháng và các nguyên nhân khách quan khác được hai bên chấp thuận.	
2	Lập hồ sơ báo cáo giấy phép môi trường cho Dự án theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư 09/2026/TT-BNNMT..., nội dung bao gồm: - Tổng hợp thành một báo cáo hoàn chỉnh và gửi Bên giao thầu duyệt và ký trước khi trình thẩm định. - Bảo vệ báo cáo trước hội đồng thẩm định. - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo theo ý kiến của thành viên hội đồng thẩm định.		
3	Trình cơ quan chuyên môn thẩm định và cấp Giấy phép môi trường		